

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L TỈNH HÒA BÌNH Bản án số: 01/2019/HS-ST Ngày: 14/01/2020	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--	---

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi ThànhNiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng

Ông Nguyễn Chí Hoàng

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tư Duy - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:

Ông Trịnh Bá Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2019/TLSTHS ngày 11 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:

77/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Hữu Q, sinh năm 1978 tại huyện C - TP Hà Nội. Nơi cư trú: Phố G, xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hoá: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu S, Con bà Phạm Thị Th; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/8/2019 đến 5/9/2019. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990

Trú tại: Khu 5, xã V, huyện Th, tỉnh Phú Thọ

2. Chị Phan Thị H, sinh năm 1999

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương

3. Anh Nguyễn Tùng A, sinh năm 2000

Trú tại: xóm Đ, xã Nh, huyện L, tỉnh Hòa Bình

4. Anh Lê Văn H, sinh năm 1999

Trú tại: Xóm Đ, xã Nh, huyện L, tỉnh Hòa Bình

5. Chị Hà Thị L, sinh năm 1981

Trú tại: Bản Ch, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
(Những người làm chứng đều vắng mặt phiên tòa).

**Người chứng kiến:*

1. Anh Trịnh Xuân Ch, sinh năm 1974
Trú tại: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình

2. Chị Hà Thị D, sinh năm 2000
Trú tại: Bản Ch, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
(Người chứng kiến điều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 26/8/2019, Công an huyện L kiểm tra quán cafe giải khát (không có biển hiệu quảng cáo) tại thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình do Phan Văn T, sinh năm 1990, HKTT: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình làm chủ. Phát hiện tại phòng số 03 và số 04 hai đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm, vật chứng thu giữ gồm số tiền 450.000 đồng và 02 bao cao su hiệu EROS đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra Trần Hữu Q khai nhận: Giữa Trần Hữu Q và Phan Văn T có mối quan hệ quen biết nhau, Q là thợ sửa chữa nhà cho Phan Văn T. Trong thời gian sửa nhà, khi đến giờ ăn cơm Trần Hữu Q thường ra quán cafe của T để ăn cơm cùng với T và các nhân viên ở quán.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/8/2019, sau khi ăn cơm xong, do phải đi dự sinh nhật bạn nên T nhờ Trần Hữu Q trông coi quán hộ, Q đồng ý. T đi dự sinh nhật bạn, còn Q ở tại quán cafe để trông coi.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì có Nguyễn Tùng A, sinh năm 2000 và Lê Văn H, sinh năm 1999, đều có HKTT: Xóm Đ, xã Nh, huyện L, tỉnh Hòa Bình đi vào quán, mục đích để mua dâm. Lúc này trong quán có Q và 03 nhân viên nữ là: Nguyễn Thị S (Y), sinh năm 1990, HKTT: Khu 5, xã V, huyện Th, tỉnh Phú Thọ; Phan Thị H (Nh), sinh năm: 1999, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương, Hà Thị L (H), sinh năm 1981, HKTT: Bản Ch, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra còn có Hà Thị D, sinh năm 2000, HKTT: Bản Ch, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (D là bạn gái Phan Văn T) đang ngủ dưới phòng tầng hầm của quán. Tại đây Nguyễn Tùng A và Lê Văn H gặp Trần Hữu Q để hỏi và trao đổi về việc mua dâm. Q thông báo giá mỗi lần mua dâm là 250.000đ/người, hai người là 500.000đ. Lúc này H có 200.000đ, A có 250.000đ nên cùng nhau góp tiền lại để mua dâm. Tùng A ngồi cạnh Q thỏa thuận việc

mua dâm và đưa cho Quý số tiền 450.000 đồng, Q đồng ý cầm tiền và cất vào túi quần

phía sau bên trái rồi ra hiệu cho nhân viên bán dâm cho khách. S đưa Tùng A vào phòng số 03, H đưa H vào phòng số 04 bên trong quán để thực hiện hành vi mua bán dâm, còn L do không được chọn đi khách nên đi vào phòng số 02 để nghỉ.

Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị tổ Công tác Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình kiểm tra phát

hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 69/CT-VKSND-LS ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Viện

Kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Trần Hữu Q về tội: “Chứa mại dâm” theo khoản 1, Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 327; điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Hữu Q mức án từ 24 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách theo quy định.

Hình phạt bổ sung: Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 450.000đ; Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su nhãn hiệu EROS đã qua sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Cơ quan truy tố trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật TTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì, nên hành vi, Quyết định tố tụng trên là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa Trần Hữu Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai thể hiện: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 26/8/2019 Phan Văn T có nhờ Trần Hữu Q trông coi quán café giải khát tại thôn C, xã H, huyện L do T làm chủ. Q nhận lời trông quán giúp cho T. Q biết quán giải khát của T có hoạt động mại dâm, khi khách đến hỏi mua dâm Q đã đồng ý nhận số tiền 450.000đ của hai đối tượng mua dâm, sau đó ra hiệu cho gái bán dâm, bán dâm cho khách ngay tại quán café giải khát do Q đang quản lý và bị bắt quả tang. Hành vi trên của Trần Hữu Q đã cấu thành tội “ chứa mại dâm” . Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trần Hữu Q phạm tội “*Chứa mại dâm*” tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Việc bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trần Hữu Q là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi mình gây ra là vi phạm pháp luật, xong bị cáo vẫn cố ý thực hiện dẫn đến phạm tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, vi phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh. Mại dâm là tệ nạn gây tác hại xấu về nhiều mặt trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, là một trong những nguyên nhân gây nên căn bệnh nguy hiểm HIV/AIDS. Do vậy do vậy cần xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, cũng cần xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, từ đó có hình phạt tương ứng là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy tội phạm do bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Tuy nhiên cũng thấy bị cáo lần đầu phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong vụ án này bị cáo không phải là chủ quán, chỉ là người trông coi quán giúp T trong thời gian T đi vắng, bị cáo không có vai trò gì liên quan đến các hoạt động thường ngày của quán. Vi phạm pháp luật của bị cáo chỉ xuất phát từ việc do nể nang T khi T nhờ trông quán, nên dẫn đến vi phạm pháp luật. Bị cáo không được hưởng lợi gì qua vụ việc trên. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thể hiện sự ân hận, day dứt về hành vi vi phạm pháp luật của mình; bị cáo nhận thức có phần hạn chế, bị cáo có nơi cư trú và lai lịch rõ ràng. Do đó với hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, mặt khác cũng đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét hiện bị cáo Trần Hữu Q hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo sống chung với bố mẹ đã già yếu, bị cáo là lao động chính tạo ra thu nhập để nuôi bố mẹ già, hiện tại bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền với bị cáo là phù hợp.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có người thân có nhiều công lao với nước, ông ngoại và bác ruột bị cáo đều là liệt sỹ, bà ngoại bị cáo được phong tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố đẻ bị cáo được tặng bằng khen vì có thành tích trong tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, bị cáo có mẹ đẻ được tặng giấy khen gia đình có công thờ cúng hai liệt sỹ. Bị cáo hiện là lao động chính đang nuôi bố mẹ đã già yếu, các tình tiết quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị xem xét xin giảm trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX đã xem xét theo quy định của pháp luật trong quá trình nghị án.

Đối với Lê Văn H, Nguyễn Tùng A, Nguyễn Thị S và Phan Thị H là các đối tượng có hành vi mua, bán dâm, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, do vậy Tòa không đề cập thêm.

Đối với Phan Văn T là chủ quán Cà phê, xét Phan Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy tòa không đề cập giải quyết.

[4] Xử lý vật chứng: Đối với số tiền 450.000đ thu được từ việc chứa mại dâm, đây là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 bao cao su hiệu EROS đã qua sử dụng. Là đồ vật liên quan đến tội phạm, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Trần Hữu Quý phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Từ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Trần Hữu Q phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng: khoản 1 , Điều 327; điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Hữu Q 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Hữu Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 450.000 đồng

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su nhãn hiệu EROS đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2019, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Trần Hữu Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND cùng cấp;
- CQĐT; CQTHAHS CA cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Bị cáo;
- Công TTĐT TAND;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Bùi Thành Niên

